

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 83 /2023/HNGĐ-PT

Ngày: 11/12/2023

V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hồng Tâm

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con".

Do Bản án HNGĐ sơ thẩm số 349/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 974/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1999;

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Thanh T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Võ Thanh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị T và anh Võ Thanh T1 cưới nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị T bất đồng quan điểm với mẹ chồng; anh T1 nghe theo lời mẹ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thể hòa hợp. Tháng 8/2022 chị T về nhà cha mẹ ruột tại ấp H, xã H, huyện C để sinh con và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Võ Ngọc An T2, sinh ngày 13/6/2020 và Võ Ngọc An T3, sinh ngày 14/9/2022. Từ tháng 8/2022, chị T về nhà cha mẹ ruột để sinh con thì bé Võ Ngọc A Thư sống chung với anh T1. Đến ngày 11/02/2023 gia đình chị đến rước cháu T2 về sống với chị. Sau khi xét xử sơ thẩm, cháu T3 đang sống cùng chị T, còn cháu T2 anh T1 rước về chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con là cháu T2 và cháu T3, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn Võ Thanh T1 trình bày:**

Về hôn nhân: Anh T4 thống nhất với chị T về thời gian kết hôn. Còn nguyên nhân chị T yêu cầu ly hôn là do mâu thuẫn với mẹ của anh T4, chị T muốn ra ở riêng, không muốn sống chung nhà với cha mẹ chồng. Anh vẫn thương yêu, chăm sóc và phụ chị T lo cho con, anh chị vẫn có nhiều khả năng hàn gắn. Tuy nhiên, chị T kiên quyết ly hôn, nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung đúng như chị T trình bày. Từ khi anh chị ly thân (8/2022) thì cháu T2 sống cùng anh T4, anh chăm sóc, nuôi dưỡng con rất tốt; anh vẫn tạo điều kiện cho chị T tới lui thăm con. Anh có nghề nghiệp và việc làm có thu nhập ổn định, sức khỏe tốt đủ điều kiện nuôi con; chị T hiện không có việc làm, chị đi bán vé số cả ngày không có thời gian chăm sóc con và thu nhập không ổn định. Do đó, anh T4 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc An T2, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số 349/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 92, 147, Điều 220, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Võ Thanh T1.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Ngọc An T2, sinh ngày 13/6/2020 và Võ Ngọc An T3, sinh ngày 14/9/2022 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Thanh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Võ Ngọc An T3, sinh ngày 14/9/2022 mỗi tháng 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Võ Ngọc A Thờ đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng nuôi con khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Võ Thanh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 12/7/2023, anh Võ Thanh T1 kháng cáo một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với phần nuôi con chung.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án HNGĐ sơ thẩm, giao cháu Võ Ngọc An T2 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Thanh T1. Sửa một phần bản án HNGĐ sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giao cháu Võ Ngọc An T2 cho anh Võ Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con” là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Thanh T1, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án HNGĐ sơ thẩm, giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc An T2 và giao chị T nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc An T3, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét cháu Võ Ngọc An T2 đã trên 36 tháng tuổi, cả anh T1 và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét chị T và anh T1 thống nhất từ khi sinh cháu An T2, anh chị sống chung với gia đình anh T1 tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Tháng 8/2022, chị T về nhà cha mẹ ruột để sinh bé An T3 thì bé An T2 vẫn sống với anh T1, do anh T1 chăm sóc nuôi dưỡng đến tháng 02/2023 về sống chị T được 05 tháng. Sau khi xét xử sơ thẩm tháng 07/2023, anh T1 đã đón bé T2 về trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay.

Xét điều kiện nuôi dạy con của anh T1: anh làm nghề cho thuê xe dịch vụ nên anh vẫn có thời gian trực tiếp nuôi dưỡng con và có gia đình anh phụ giúp chăm sóc con. Thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 24 triệu đồng, đảm bảo cuộc sống đầy đủ cho con anh (có xác nhận của chính quyền địa phương). Xét thấy, quá trình cháu T2 sống cùng với anh T1, anh chăm sóc, nuôi dạy bé đảm bảo rất tốt và cuộc sống đã ổn định.

Xét điều kiện nuôi dạy con của chị T: Chị không có việc làm ổn định, hàng ngày chị phải đi bán vé số từ sáng đến tối, thu nhập không ổn định, hiện tại chị đang phải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con (cháu An T3) dưới 36 tháng tuổi và nếu nuôi cả cháu T2, chị sẽ gặp khó khăn và vất vả về mặt kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc. Hơn nữa, cháu T2 đang sống cùng anh T1 nếu giao lại cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng tâm lý của cháu T2.

Như vậy, xét về điều kiện chăm sóc cả về vật chất lẫn tinh thần thì anh T1 có điều kiện nuôi dưỡng cháu An T2 đảm bảo tốt hơn chị T.

Tòa án cấp sơ thẩm giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu T2 và cháu T3 sẽ không đảm bảo điều kiện vật chất tốt nhất cho hai cháu như đã phân tích trên.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Thanh T1. Sửa một phần bản án HNGĐ sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo về việc nuôi dưỡng con chung.

Các phần khác của bản án HNGĐ sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX phúc thẩm không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của anh Võ Thanh T1 được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh T1 không phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận kháng cáo của anh Võ Thanh T1. Sửa một phần bản án HNGĐ sơ thẩm số 349/2023/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Võ Thanh T1 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Võ Ngọc An T2, sinh ngày 13/6/2020 cho anh Võ Thanh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu Võ Ngọc An T3, sinh ngày 14/9/2022 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Võ Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Võ Thanh T1 cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Võ Ngọc An T3, sinh ngày 14/9/2022 mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Võ Ngọc A Thơ đủ 18 tuổi, lao động được. Thời gian cấp dưỡng nuôi con khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị **Nguyễn Thị Ngọc T** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh **Võ Thanh T1** chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải

trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0025553 ngày 12/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị T đã nộp xong;

Anh Võ Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Thanh T1 không phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Võ Thanh T1 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0026127 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân